



sān jí
三级

noun · third level; grade three

Example Sentences

Tā de Hànyǔ shuǐ píng shì sān jí.
他的汉语水平是三级。

His Chinese proficiency is level three.

Zhè cì kǎo shì fēn wéi sān jí nán dù.
这次考试分为三级难度。

This exam is divided into three levels of difficulty.

Trace each character, then write the word on your own.

三	三	三	三	三	三						
级	级	级	级	级	级	级	级	级			